



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP

Ngày 30/09/2025	66,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.3%	0.8%	-

DT thuần Q3/25
828
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2,076 -71.5%
YoY: ▼400 -32.5%

LN thuần Q3/25
408
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,315 -76.3%
YoY: ▲ 24.0 6.2%

LN sau thuế Q3/25
422
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,059 -71.5%
YoY: ▲ 59.0 16.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
84.3%
YoY: +/-▲ 13.1%

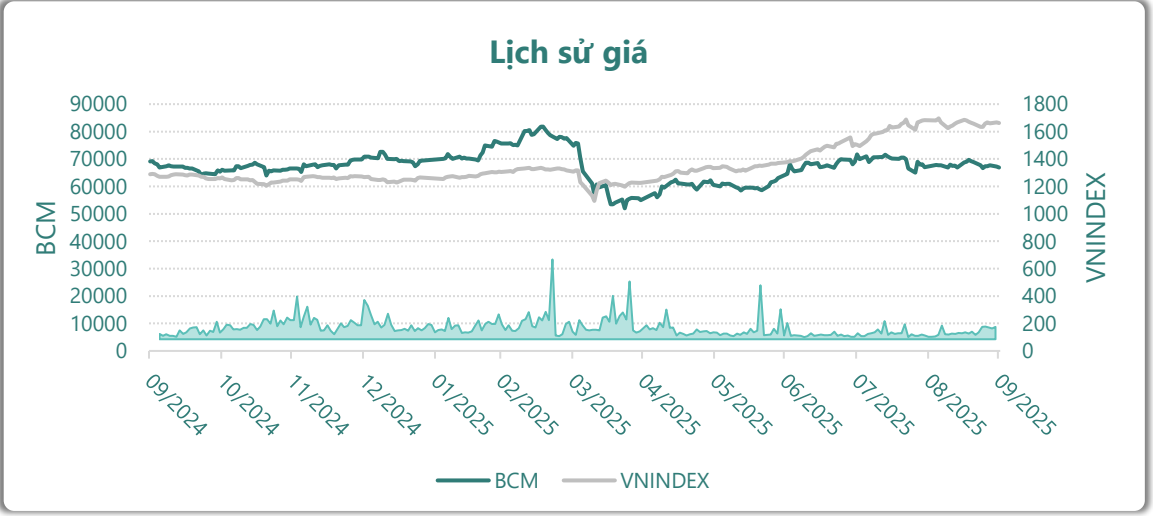
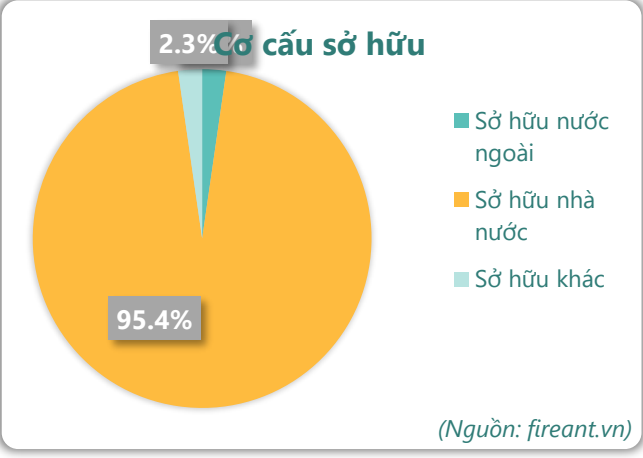
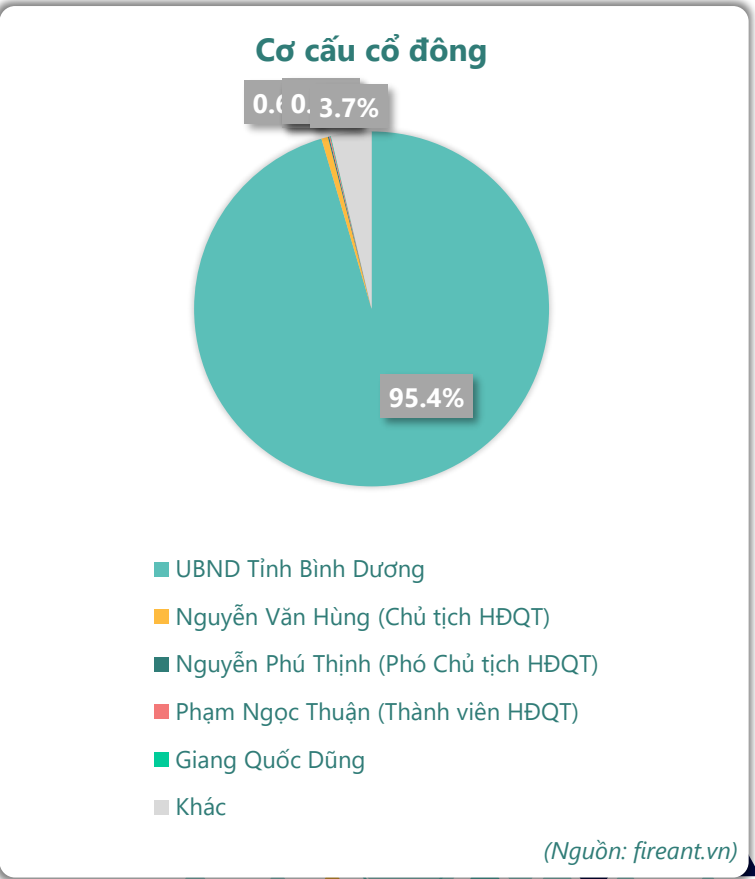
ROE (TTM) Q3/25
17.2%
YoY: +/-▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	52,000 - 81,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	69,242
Số lượng CPLH (CP)	1,035,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	310,510
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	1.05
EPS	3,497
P/E	19.1

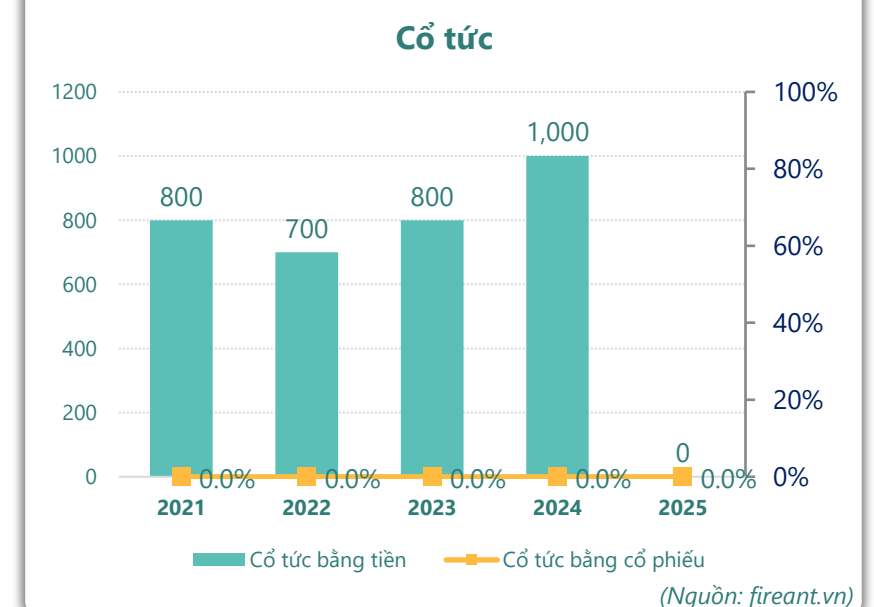
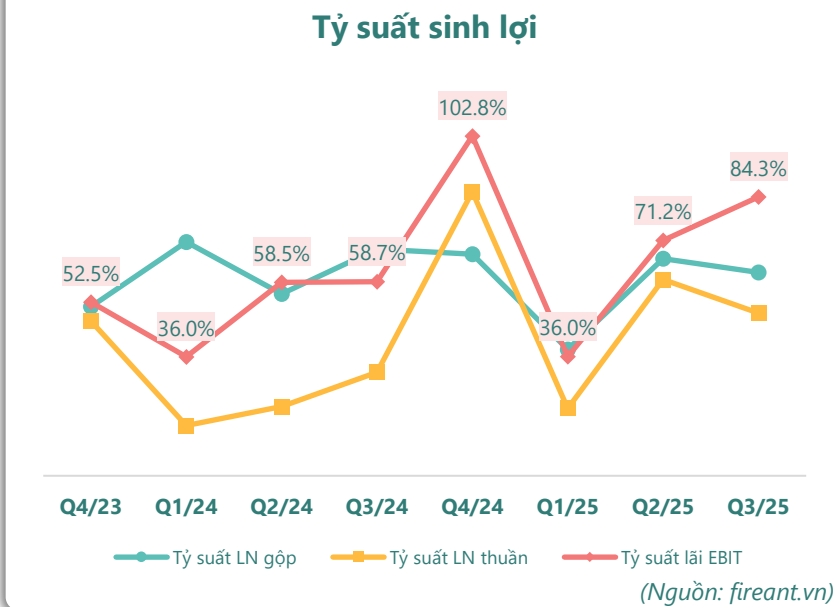
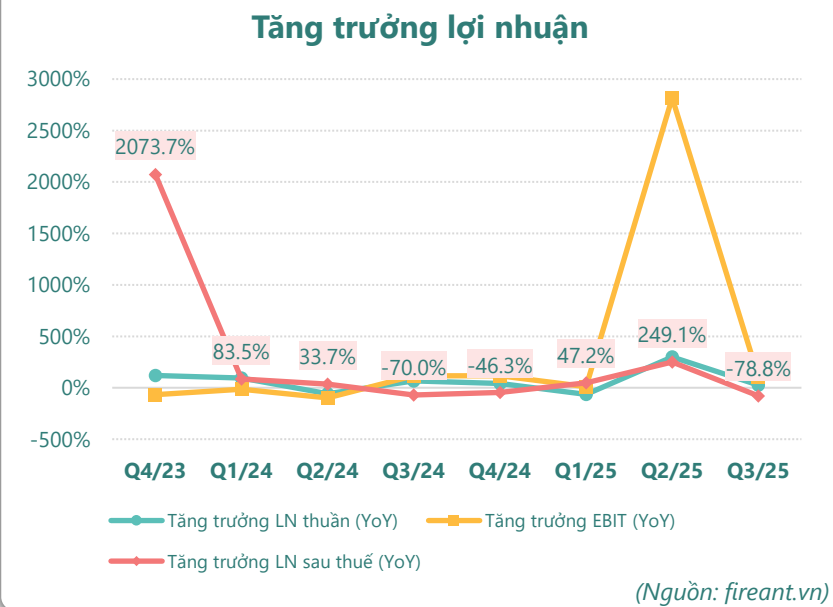
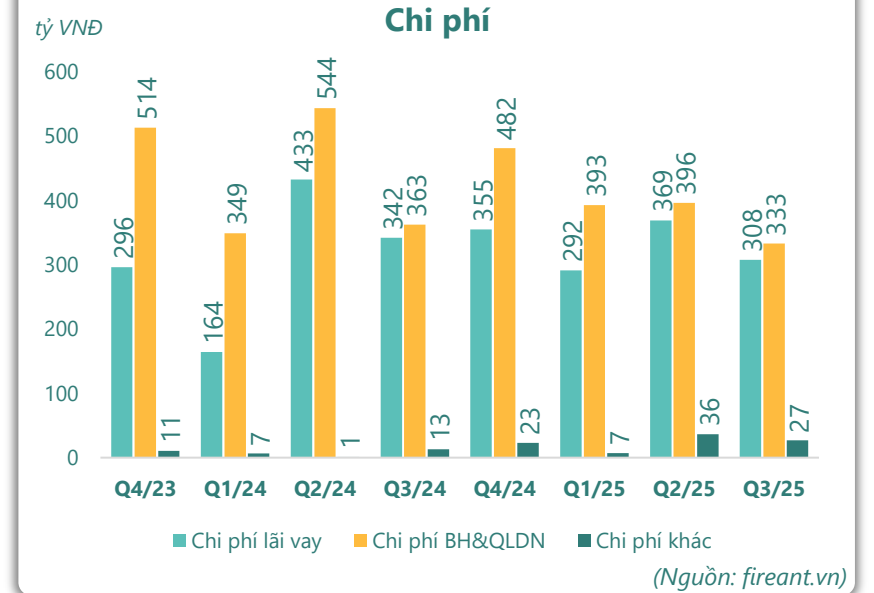
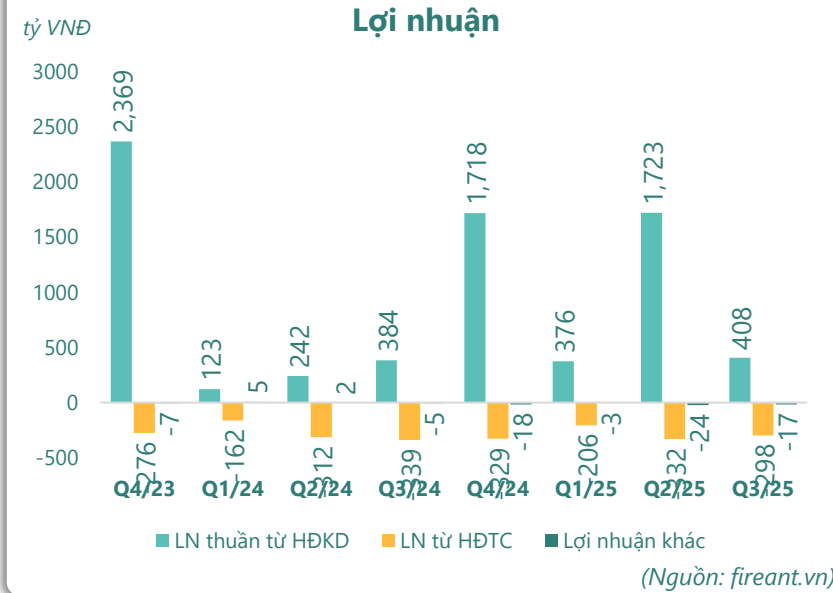
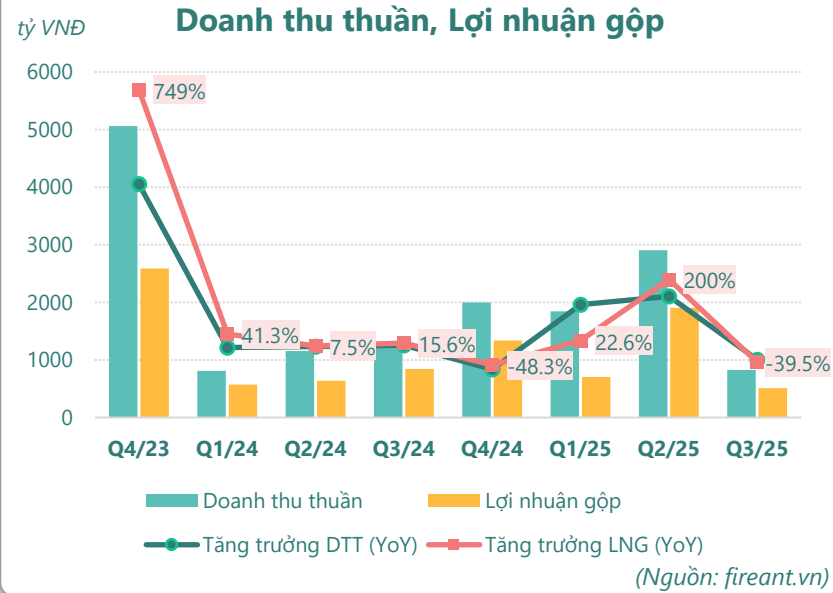
DT thuần 9T 2025
5,574
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,379 74.5%

LN thuần 9T 2025
2,506
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,756 234%

LN sau thuế 9T 2025
2,269
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,500 195%



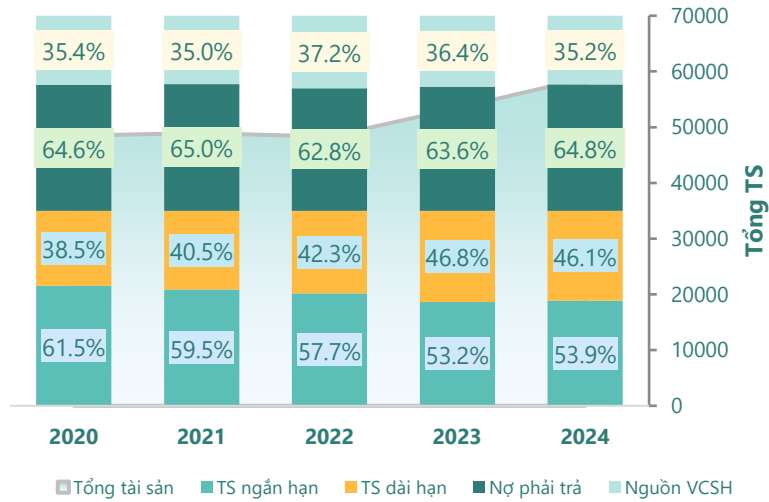
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

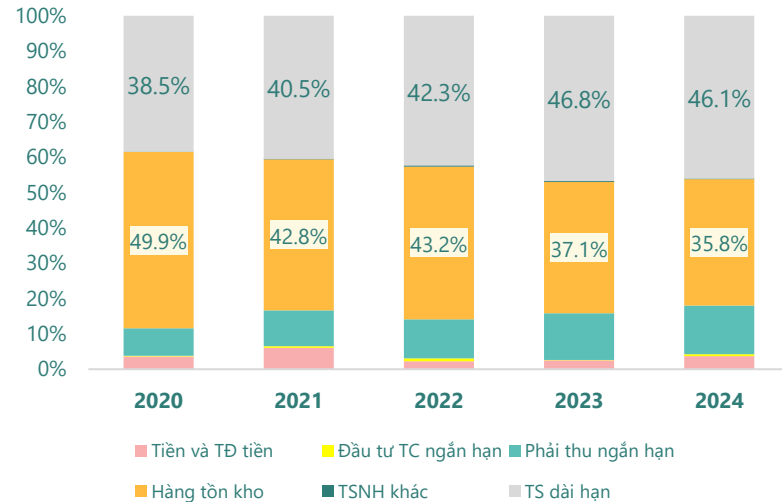
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

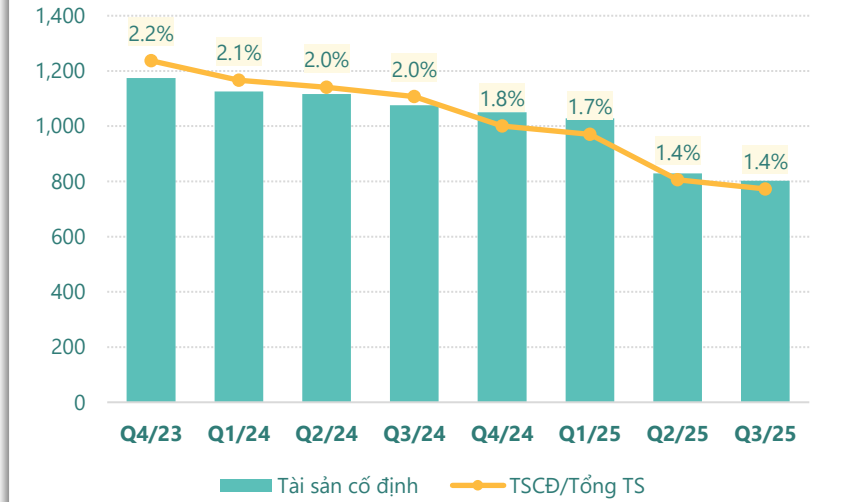
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

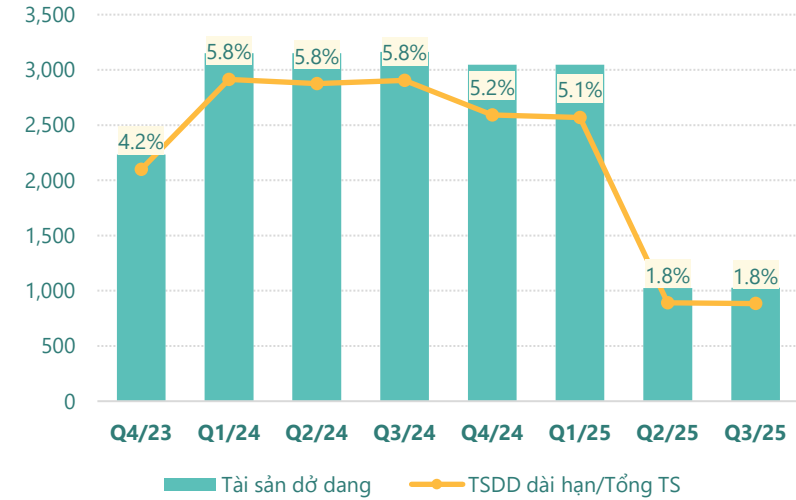
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

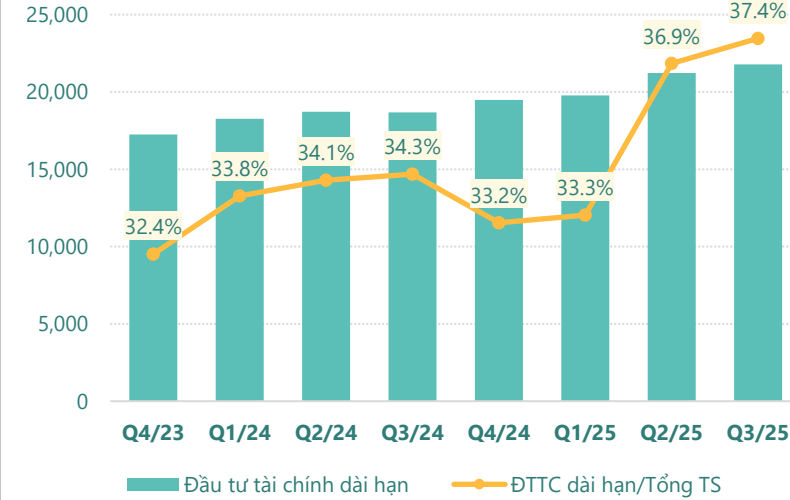
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

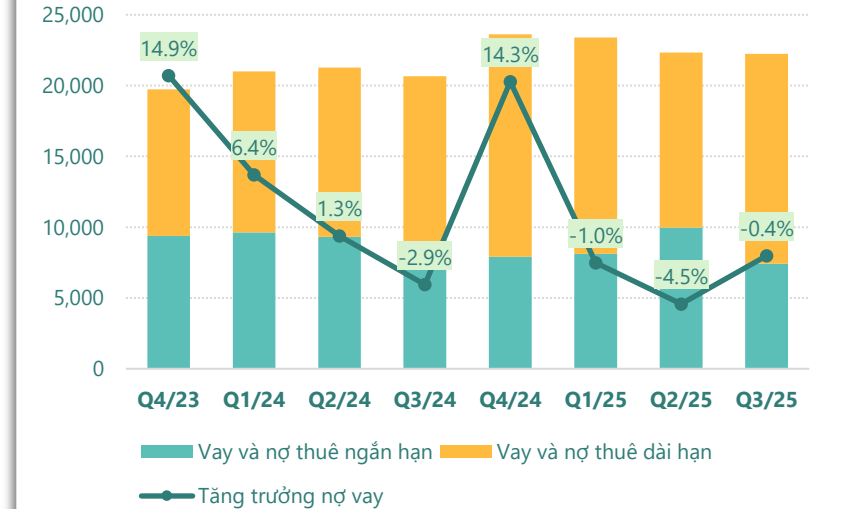
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

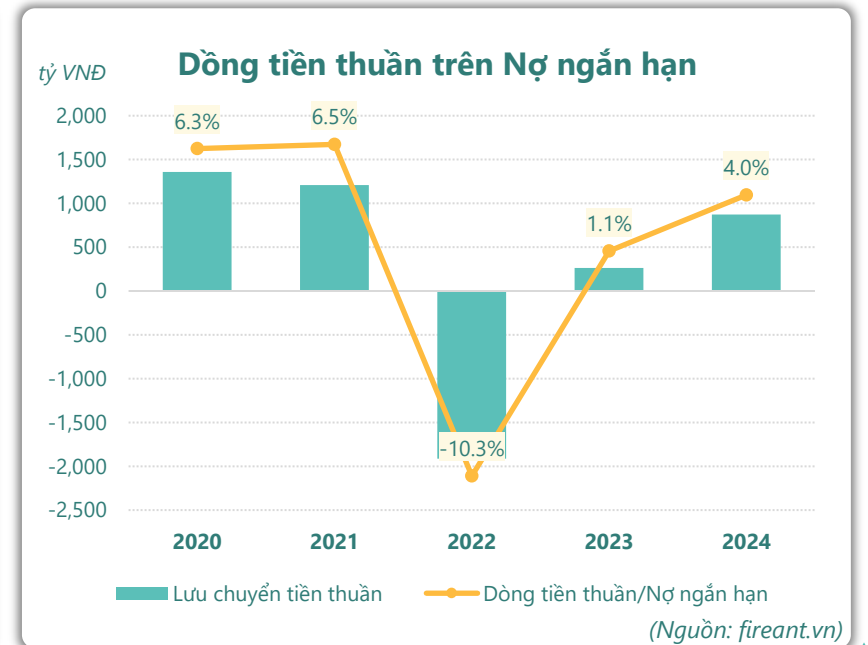
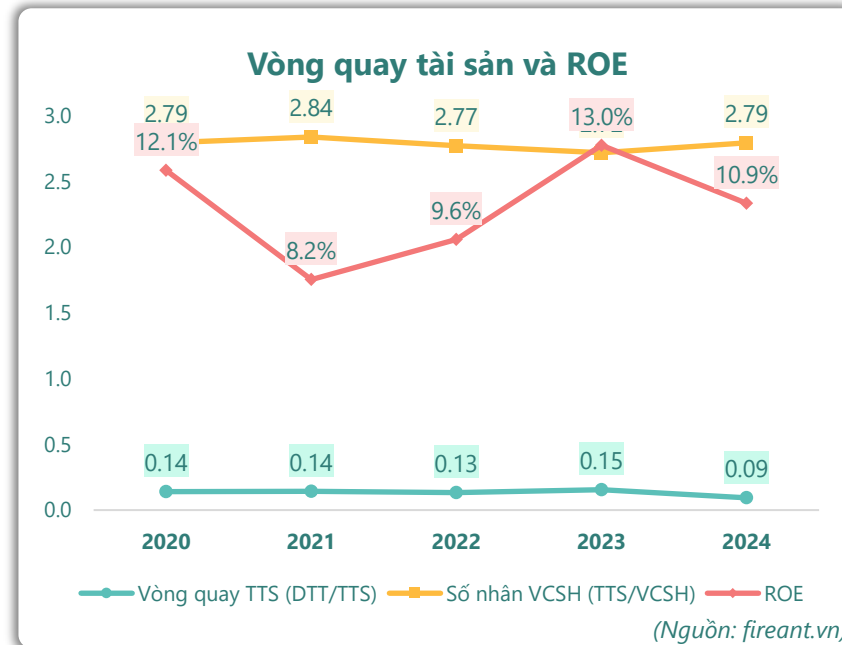
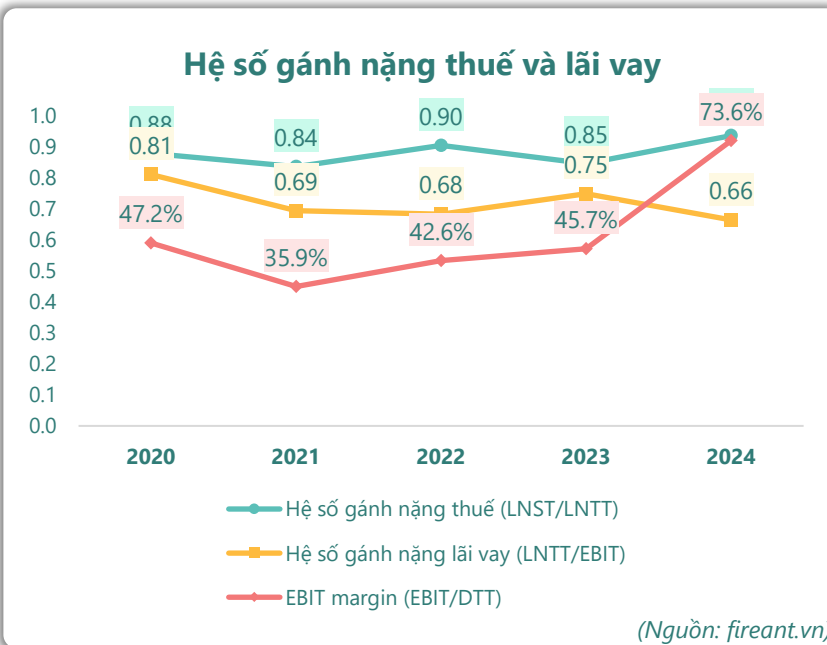
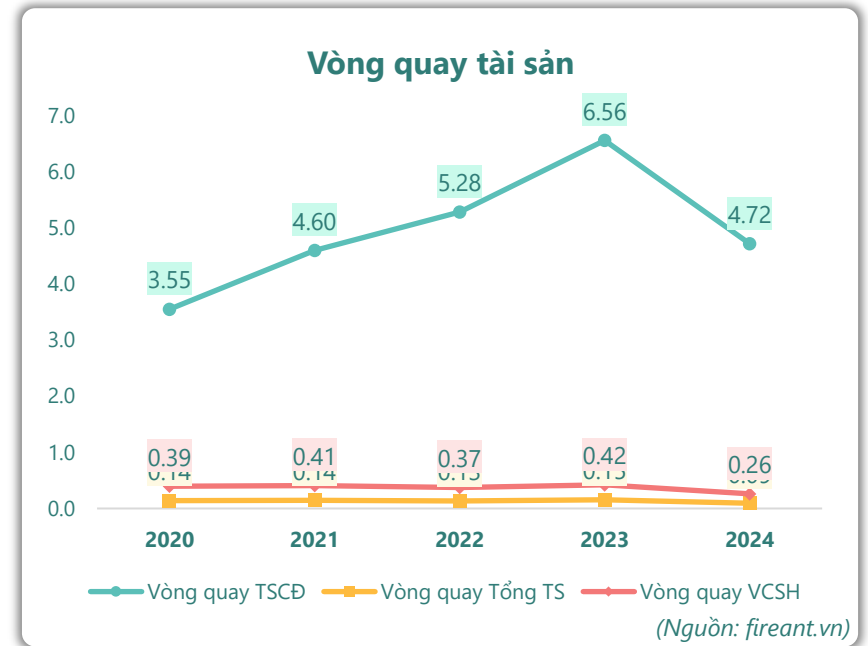
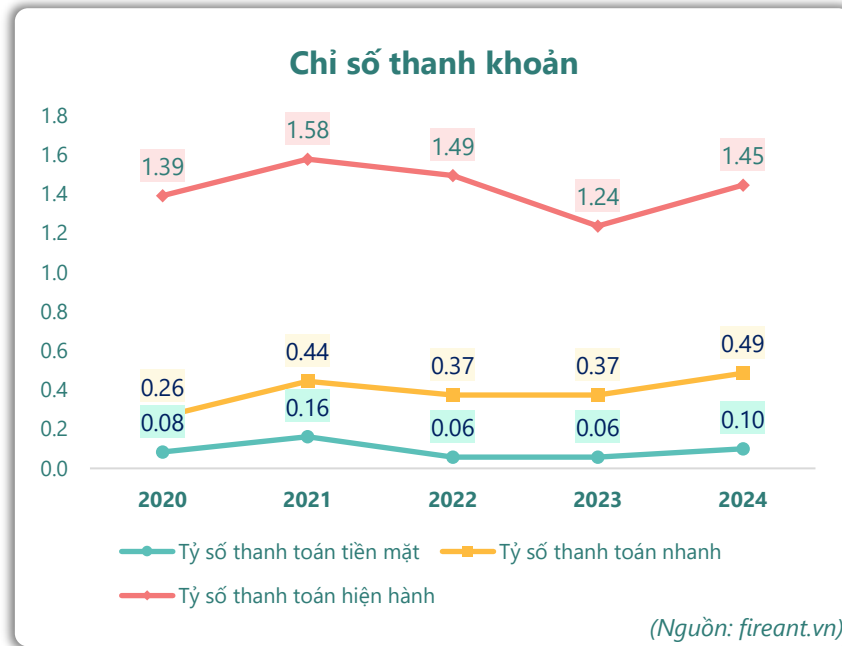
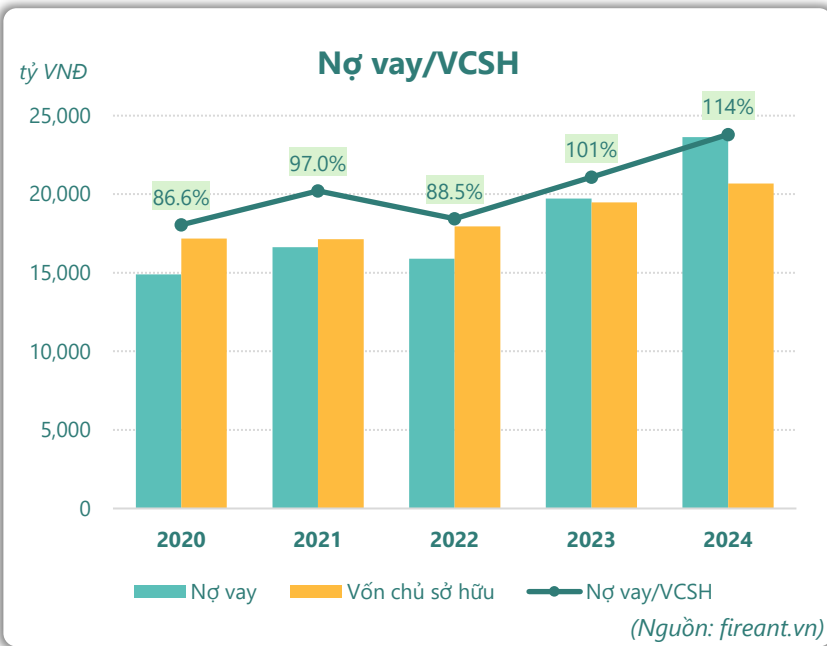
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	828	1,228	-32.5%	5,574	3,195	74.5%
Giá vốn hàng bán	318	385	-17.3%	2,452	1,143	115%
Lợi nhuận gộp	510	842	-39.4%	3,122	2,052	52.1%
Doanh thu HĐTC	10.0	3.42	193%	163	142	15.0%
Chi phí TC	308	342	-9.8%	1,000	954	4.8%
Chi phí lãi vay	308	342	-10.0%	968	939	3.2%
LN trong công ty LKLD	530	243	118%	1,344	765	75.6%
Chi phí bán hàng	204	224	-8.8%	722	749	-3.5%
Chi phí QLDN	129	139	-7.2%	401	507	-21.0%
LN thuần từ HĐKD	408	384	6.2%	2,506	750	234%
Lợi nhuận khác	-17.0	-5.11	-232%	-44.7	1.19	-3843%
LN trước thuế	391	379	3.2%	2,462	751	228%
Lợi nhuận sau thuế	422	363	16.4%	2,269	769	195%
LNST của CĐ cty mẹ	416	344	20.8%	2,250	736	206%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-374	-1,060	-219	-737	1,157	-807
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-229	216	-114	-186	-273	222
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	220	-589	1,880	-266	934	-378
Tiền đầu kỳ	2,480	2,096	663	2,205	1,015	2,833
Lưu chuyển tiền thuần	-384	-1,433	1,547	-1,190	1,818	-964
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2,096	663	2,210	1,015	2,833	1,869

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58,182	58,781	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	31,594	31,704	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	1,869	2,205	-15.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	310	300	3.3%
Phải thu ngắn hạn	7,180	8,064	-11.0%
Hàng tồn kho	22,203	21,055	5.5%
Tài sản ngắn hạn khác	32.1	80.4	-60.1%
Tài sản dài hạn	26,588	27,077	-1.8%
Phải thu dài hạn	0	413	-100%
Tài sản cố định	803	1,062	-24.4%
Bất động sản đầu tư	2,588	2,662	-2.8%
Tài sản dở dang	1,028	3,046	-66.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	21,787	19,493	11.8%
Tài sản dài hạn khác	382	400	-4.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	36,094	38,102	-5.3%
Nợ ngắn hạn	20,052	21,930	-8.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,410	8,444	-12.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	511	575	-11.1%
Nợ dài hạn	16,042	16,172	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	14,829	15,184	-2.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	22,088	20,679	6.8%
Vốn chủ sở hữu	22,088	20,679	6.8%
Vốn điều lệ	10,350	10,350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

